BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 08/04/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4704000536 cấp lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty: Số 03 Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đinh Việt Tiến	Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Công Đức	Tổng Giám đốc	
Ông	Phan Hữu Giống	Phó Tổng Giám đốc	
Bà	Lê Anh Thư	Phó Tổng Giám đốc	
Bà	Nguyễn Thị Minh Phương	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;

- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Lãnh đạo

Đinh Việt Tiến
Chủ tịch Công ty
Đồng Nai, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Số: 260721.005/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Lãnh đạo**
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai được lập ngày 26 tháng 07 năm 2021, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2020 và 30/06/2021, Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Bóng đá Đồng Nai (Thuyết minh 6) theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Điều này dẫn đến Khoản mục "Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi" (Mã số 139) trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 và 30/06/2021 đang phản ánh thiếu với cùng số tiền là 56.000.000.000 đồng. Nếu khoản Công nợ trên được trích lập dự phòng thì chi phí các kỳ trước sẽ tăng lên 56.000.000.000 đồng, đồng thời "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" (Mã số 314) trên Bảng cân đối kế toán tại hai thời điểm nêu trên giảm đi cùng số tiền là 56.000.000.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2018-002-1
Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Hoàng Đức Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4876-2019-002-1

Mẫu B01 - XS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.827.441.564.421**	**2.039.352.752.648**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**259.294.642.435**	**416.079.826.384**
111	1. Tiền		259.294.642.435	172.039.826.384
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	244.040.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**1.292.230.000.000**	**1.296.090.000.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.292.230.000.000	1.296.090.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**253.869.242.663**	**315.623.179.932**
131	1. Phải thu của khách hàng	5	186.908.100.675	223.461.551.300
132	2. Trả trước cho người bán		646.560.000	8.939.000.000
135	3. Các khoản phải thu khác	6	66.314.581.988	83.222.628.632
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		-	-
140	**IV. Hàng tồn kho**	**7**	**22.042.679.323**	**10.221.453.520**
141	1. Hàng tồn kho		22.042.679.323	10.221.453.520
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**5.000.000**	**1.338.292.812**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	895.178.728
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	443.114.084
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		5.000.000	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**25.488.401.780**	**26.236.260.118**
220	**II. Tài sản cố định**		**15.769.392.505**	**16.215.140.841**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	12.587.230.233	12.991.728.569
222	*- Nguyên giá*		*47.298.080.045*	*47.185.323.045*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(34.710.849.812)*	*(34.193.594.476)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	41.250.000	82.500.000
228	*- Nguyên giá*		*727.950.000*	*727.950.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(686.700.000)*	*(645.450.000)*
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	3.140.912.272	3.140.912.272
240	**III. Bất động sản đầu tư**	**11**	**9.571.463.275**	**9.873.573.277**
241	- Nguyên giá		16.281.269.661	16.281.269.661
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.709.806.386)	(6.407.696.384)
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**12**	**147.546.000**	**147.546.000**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		10.000.000.000	10.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		147.546.000	147.546.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.852.929.966.201**	**2.065.589.012.766**

Mẫu B01 - XS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**652.929.966.201**	**865.589.012.766**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**652.863.966.201**	**865.523.012.766**
313	1. Người mua trả tiền trước		309.340.000	252.690.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	494.061.168.715	679.125.192.045
315	3. Phải trả người lao động		2.868.840.899	5.005.088.898
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	4.375.302.595	27.008.935.831
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	15	147.896.358.300	147.896.358.300
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.352.955.692	6.234.747.692
330	**II. Nợ dài hạn**		**66.000.000**	**66.000.000**
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	66.000.000	66.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.200.000.000.000**	**1.200.000.000.000**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**16**	**1.200.000.000.000**	**1.200.000.000.000**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.852.929.966.201**	**2.065.589.012.766**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		341.350.360.822	312.671.865.726
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		104.170.000.000	100.000.000.000

Phạm Nguyễn Thùy Vân	Huỳnh Ngọc Đức	Nguyễn Công Đức
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Đồng Nai, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Mẫu B02 - XS

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
01	**1. Doanh thu**	**18**	**2.498.603.005.751**	**2.050.899.816.351**
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		2.497.869.409.106	2.050.116.363.625
01.1.1	*1.1.1. Xổ số truyền thống*		*2.470.329.081.840*	*2.031.244.536.363*
01.1.2	*1.1.2. Xổ số cào*		*18.106.990.901*	*9.978.618.172*
01.1.4	*1.1.4. Xổ số lô tô*		*9.433.336.365*	*8.893.209.090*
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		733.596.645	783.452.726
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**19**	**325.809.053.362**	**267.406.482.213**
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		325.809.053.362	267.406.482.213
02.1.1	*2.1.1. Xổ số truyền thống*		*322.216.836.762*	*264.944.939.530*
02.1.2	*2.1.2. Xố số cào*		*2.361.781.422*	*1.301.558.891*
02.1.4	*2.1.4. Xổ số lô tô*		*1.230.435.178*	*1.159.983.792*
10	**3. Doanh thu thuần**		**2.172.793.952.389**	**1.783.493.334.138**
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		2.172.060.355.744	1.782.709.881.412
10.1.1	*3.1.1. Xổ số truyền thống*		*2.148.112.245.078*	*1.766.299.596.833*
10.1.2	*3.1.2. Xố số cào*		*15.745.209.479*	*8.677.059.281*
10.1.4	*3.1.4. Xổ số lô tô*		*8.202.901.187*	*7.733.225.298*
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		733.596.645	783.452.726
11	**4. Chi phí kinh doanh**	**20**	**1.727.332.422.328**	**1.465.300.264.050**
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		1.727.030.312.326	1.464.998.154.048
11.1.1	*4.1.1. Chi phí trả thưởng*		*1.287.578.774.000*	*1.102.530.231.000*
11.1.2	*4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*		*439.451.538.326*	*362.467.923.048*
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		302.110.002	302.110.002
20	**5. Lợi nhuận gộp**		**445.461.530.061**	**318.193.070.088**
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		445.030.043.418	317.711.727.364
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		431.486.643	481.342.724
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12.422.809.222	16.589.584.785
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	18.937.619.479	44.997.896.203
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**438.946.719.804**	**289.784.758.670**
31	11. Thu nhập khác		251.608.184	259.432.728
32	12. Chi phí khác		-	62.000.000
40	**13. Lợi nhuận khác**		**251.608.184**	**197.432.728**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**439.198.327.988**	**289.982.191.398**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	87.885.195.598	58.008.438.280
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**351.313.132.390**	**231.973.753.118**

Phạm Nguyễn Thùy Vân	Huỳnh Ngọc Đức	Nguyễn Công Đức
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
M.S.D.N: 3600299669 - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Mẫu B03 - XS

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***439.198.327.988***	***289.982.191.398***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		924.115.338	800.337.372
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.429.609.222)	(16.589.584.785)
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***427.692.834.104***	***274.192.943.985***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		44.473.891.185	(40.857.353.081)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(11.821.225.803)	(12.987.191.644)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(40.562.140.411)	(5.441.811.836)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		895.178.728	919.699.409
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(80.197.509.433)	(74.453.809.471)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.881.792.000)	(3.095.898.316)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***337.599.236.370***	***138.276.579.046***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(176.257.000)	(190.031.381)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.800.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(871.250.000.000)	(866.640.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác		875.110.000.000	822.301.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.140.969.390	46.587.606.753
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***33.831.512.390***	***2.058.575.372***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(528.215.932.709)	(465.143.103.425)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(528.215.932.709)***	***(465.143.103.425)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(156.785.183.949)**	**(324.807.949.007)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**416.079.826.384**	**476.413.152.135**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**259.294.642.435**	**151.605.203.128**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

Phạm Nguyễn Thùy Vân	**Huỳnh Ngọc Đức**	**Nguyễn Công Đức**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Mẫu B09 - XS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 08/04/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4704000536 cấp lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty: Số 03 Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.200.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 8 ngày 02/11/2016 là:
- Xổ số kiến thiết;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ in: In vé số, in offset, in bao bì, in sách, báo, tem, nhãn, biểu mẫu chứng từ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ tháng 04 năm 2021, Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành 11 triệu vé/kỳ dẫn đến doanh thu 06 tháng năm 2021 của Công ty tăng so với 06 tháng năm 2020.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05	năm
- Phương tiện vận tải	03 - 05	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	02	năm

2.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
- Quyền sử dụng đất	không thời hạn	

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về đền bù, giải phóng mặt bằng, các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: **DPtt = DT x TLkh - TTtt**
Trong đó:
- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	4.935.831	987.330
Tiền gửi ngân hàng	259.289.706.604	172.038.839.054
Các khoản tương đương tiền	-	244.040.000.000
	259.294.642.435	**416.079.826.384**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Đầu tư ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.292.230.000.000	1.296.090.000.000
	1.292.230.000.000	**1.296.090.000.000**

(*) Tại ngày 30/06/2021, tiền gửi ngân hàng nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 7,5%/năm, chi tiết bao gồm:

	30/06/2021 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Đồng Nai	70.300.000.000
- Chi nhánh Ba Tháng Hai	76.400.000.000
- Chi nhánh Biên Hòa	79.400.000.000
- Chi nhánh Hàm Nghi	49.000.000.000
- Chi nhánh Nam Đồng Nai	19.300.000.000
- Chi nhánh Đông Đồng Nai	16.800.000.000
- Chi nhánh Sài Gòn	58.700.000.000

Mẫu B09 - XS

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

	30/06/2021 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Đồng Nai	10.300.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	59.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Nai	106.800.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đồng Nai	77.900.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Hội sở	40.150.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	32.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai	126.600.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	
- Chi nhánh Bắc Đồng Nai	24.100.000.000
- Chi nhánh Sài Gòn	93.200.000.000
- Chi nhánh Lâm Đồng	100.040.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đồng Nai	114.200.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai	10.790.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	52.250.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai	45.000.000.000
	1.292.230.000.000

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
- Đại lý Nguyễn Thị Thùy Dương	19.758.878.100	24.428.790.400
- Đại lý Lương Quan Thạch	23.575.429.125	30.871.127.100
- Đại lý Trần Ngọc Tâm	23.375.092.075	30.574.057.600
- Các đối tượng khác	120.198.701.375	137.587.576.200
	186.908.100.675	**223.461.551.300**

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
- Lãi dự thu tiền gửi	9.504.468.464	27.222.628.632
- Phải thu Công ty CP Bóng đá Đồng Nai mượn tiền	56.000.000.000	56.000.000.000
- Phải thu thuế TNCN của CBNV	804.777.160	-
- Phải thu khác	5.336.364	-
	66.314.581.988	**83.222.628.632**

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
- Nguyên liệu, vật liệu	19.326.315.448	7.669.821.292
- Hàng hóa	19.000.000	110.545.455
- Vé xổ số	2.697.363.875	2.441.086.773
	22.042.679.323	**10.221.453.520**

Mẫu B09 - XS

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
- Xây dựng kho lưu trữ vé	3.140.912.272	3.140.912.272
	3.140.912.272	**3.140.912.272**

Theo văn bản số 12281/UBND-KT ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp thuận cho Công ty chuyển đổi mục đích xây dựng Dự án Xí nghiệp in sang xây dựng Kho lưu trữ vé theo đề nghị của Công ty tại văn bản số 824/XSKT & DVTH ngày 15/11/2017. Số dư tại ngày 30/06/2021 bao gồm: chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng với tổng số tiền là 3.140.912.272 đồng.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá TSCĐ	
Số dư đầu kỳ	727.950.000
Số dư cuối kỳ	**727.950.000**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	645.450.000
- Khấu hao trong kỳ	*41.250.000*
Số dư cuối kỳ	**686.700.000**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	82.500.000
Tại ngày cuối kỳ	**41.250.000**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 562.950.000 đồng.

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	16.281.269.661
Số dư cuối kỳ	**16.281.269.661**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.407.696.384
- Khấu hao trong kỳ	*302.110.002*
Số dư cuối kỳ	**6.709.806.386**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	9.873.573.277
Tại ngày cuối kỳ	**9.571.463.275**

- Bất động sản đầu tư của Công ty được sử dụng để cho thuê gồm:
+ Nhà tại số 92-94 đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
+ Nhà tại số CN 12, Đường 30/4, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
+ Nhà trạm giao dịch số 148 - 154 đường Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, TP Hồ Chí Minh.
- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 1.117.615.677 đồng.

12 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Xem chi tiết Phụ lục 02.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 03.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả hoa hồng đại lý	380.985.075	26.468.673.200
- Phải trả ủy quyền trả thưởng	946.923.520	10.437.631
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	284.825.000	529.825.000
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, người quản lý	2.490.627.000	-
- Phải trả khác	271.942.000	-
	4.375.302.595	**27.008.935.831**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	66.000.000	66.000.000
	66.000.000	**66.000.000**

15 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỞNG

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
- Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu kỳ	147.896.358.300	141.064.053.900
Dự phòng rủi ro trả thưởng cuối kỳ	**147.896.358.300**	**141.064.053.900**

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	**Cộng** **VND**
Số dư đầu kỳ trước	**1.200.000.000.000**	**-**	**1.200.000.000.000**
Lãi trong kỳ trước	-	231.973.753.118	231.973.753.118
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(231.973.753.118)	(231.973.753.118)
Số dư cuối kỳ trước	**1.200.000.000.000**	**-**	**1.200.000.000.000**
Số dư đầu kỳ này	**1.200.000.000.000**	**-**	**1.200.000.000.000**
Lãi trong kỳ này	-	351.313.132.390	351.313.132.390
Trích lập các quỹ (*)	-	(2.490.627.000)	(2.490.627.000)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(348.822.505.390)	(348.822.505.390)
Số dư cuối kỳ này	**1.200.000.000.000**	**-**	**1.200.000.000.000**

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm 2021 theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	1.200.000.000.000	100,00	1.200.000.000.000	100,00
	1.200.000.000.000	**100,00**	**1.200.000.000.000**	**100,00**

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích (m2)
Thửa đất 46, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa	Hợp đồng số 07/HĐTĐ ngày 16/01/2008	Kinh doanh	không xác định	121,70
Thửa đất 29, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa	Hợp đồng số 393/HĐTĐ ngày 18/09/2001	Kinh doanh	50 năm	335,00
Thửa đất phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa	Hợp đồng số 532/HĐTĐ ngày 17/09/2002	Kinh doanh	50 năm	111,60
Thửa đất phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa	Hợp đồng số 214/HĐTĐ ngày 22/11/1999	Trụ sở Công ty	50 năm	5201,30
Thửa đất phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa	Hợp đồng số 122/HĐTĐ ngày 03/12/2004	Xây kho vé số	50 năm	6660,00

18 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	2.470.329.081.840	2.031.244.536.363
Doanh thu kinh doanh xổ số lô tô	9.433.336.365	8.893.209.090
Doanh thu kinh doanh xổ số cào	18.106.990.901	9.978.618.172
Doanh thu bất động sản	450.000.000	507.272.726
Doanh thu khác	283.596.645	276.180.000
	2.498.603.005.751	**2.050.899.816.351**

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	322.216.836.762	264.944.939.530
Thuế TTĐB của xổ số lô tô	1.230.435.178	1.159.983.792
Thuế TTĐB của xổ số cào	2.361.781.422	1.301.558.891
	325.809.053.362	**267.406.482.213**

Mẫu B09 - XS

20 . CHI PHÍ KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí kinh doanh xổ số	1.727.030.312.326	1.464.998.154.048
- *Chi phí trả thưởng*	*1.287.578.774.000*	*1.102.530.231.000*
- *Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)*	*439.451.538.326*	*362.467.923.048*
Giá vốn kinh doanh bất động sản	302.110.002	302.110.002
	1.727.332.422.328	**1.465.300.264.050**

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
1. Chi phí cho các đại lý	414.126.755.260	339.979.160.562
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	*412.148.530.460*	*338.269.200.000*
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	*1.978.224.800*	*1.709.960.562*
2. Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	440.000.000	451.430.000
3. Chi phí chống số đề	108.000.000	-
4. Chi phí về vé xổ số	23.199.327.311	20.894.440.612
5. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	959.545.455	599.863.636
6. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
7. Chi phí bằng tiền khác	557.910.300	483.028.238
	439.451.538.326	**362.467.923.048**

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	12.422.809.222	16.589.584.785
	12.422.809.222	**16.589.584.785**

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	233.751.346	257.694.455
Chi phí tiền lương người lao động	9.004.129.683	7.453.417.336
Chi phí tiền lương người quản lý	1.341.300.000	1.387.200.000
Các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.264.654.785	1.298.496.950
Chi phí đồ dùng văn phòng	326.103.546	515.544.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	622.005.336	498.227.370
Thuế, phí, và lệ phí	131.802.164	114.897.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.585.903	505.474.745
Chi phí tài trợ, hỗ trợ	115.000.000	27.760.282.000
Chi phí khác bằng tiền	5.220.286.716	5.206.661.565
	18.937.619.479	**44.997.896.203**

Mẫu B09 - XS

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	439.198.327.988	289.982.191.398
Các khoản điều chỉnh tăng	227.650.000	60.000.000
- Chi phí không được trừ	*227.650.000*	*60.000.000*
Thu nhập chịu thuế TNDN	439.425.977.988	290.042.191.398
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	**87.885.195.598**	**58.008.438.280**
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	36.674.606.973	37.521.673.938
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(80.197.509.433)	(74.453.809.471)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**44.362.293.138**	**21.076.302.747**

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Bóng đá Đồng Nai	**Công ty nhận vốn góp**		
- Các khoản phải thu khác		56.000.000.000	56.000.000.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được Công ty lập và trình bày.

Phạm Nguyễn Thùy Vân	**Huỳnh Ngọc Đức**	**Nguyễn Công Đức**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	22.512.435.106	17.437.662.719	6.234.707.551	1.000.517.669	-	47.185.323.045
Số tăng trong kỳ	-	-	-	176.257.000	-	176.257.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	*176.257.000*	-	*176.257.000*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(63.500.000)	-	(63.500.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	*(63.500.000)*	-	*(63.500.000)*
Số dư cuối kỳ	**22.512.435.106**	**17.437.662.719**	**6.234.707.551**	**1.113.274.669**	**-**	**47.298.080.045**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	10.574.453.631	16.800.844.537	6.234.707.551	583.588.757	-	34.193.594.476
Số tăng trong kỳ	411.644.000	88.219.692	-	80.891.644	-	580.755.336
- Khấu hao trong kỳ	*411.644.000*	*88.219.692*	-	*80.891.644*	-	*580.755.336*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(63.500.000)	-	(63.500.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	*(63.500.000)*	-	*(63.500.000)*
Số dư cuối kỳ	**10.986.097.631**	**16.889.064.229**	**6.234.707.551**	**600.980.401**	**-**	**34.710.849.812**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	11.937.981.475	636.818.182	-	416.928.912	-	12.991.728.569
Tại ngày cuối kỳ	**11.526.337.475**	**548.598.490**	**-**	**512.294.268**	**-**	**12.587.230.233**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 25.504.182.705 đồng.

Phụ lục 02 : ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh	***10.000.000.000***	***(10.000.000.000)***	***10.000.000.000***	***(10.000.000.000)***
- Công ty Cổ phần Bóng đá Đồng Nai	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác	***147.546.000***	***-***	***147.546.000***	***-***
- Công ty Cổ phần In số 4	147.546.000	-	147.546.000	-
	10.147.546.000	**(10.000.000.000)**	**10.147.546.000**	**(10.000.000.000)**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bóng đá Đồng Nai	Đồng Nai	50%	50%	Kinh doanh bóng đá

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về công ty khác của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In số 4	Đồng Nai	0,98%	0,98%	In ấn

Phụ lục 03 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	45.224.206.786	246.030.660.290	249.126.018.455	-	42.128.848.621
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	59.669.973.913	325.809.053.362	330.194.688.144	-	55.284.339.131
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	36.674.606.973	87.885.195.598	80.197.509.433	-	44.362.293.138
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	-	521.215.932.709	348.822.505.390	528.215.932.709	-	341.822.505.390
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	443.114.084	-	1.056.949.924	574.700.210	-	39.135.630
- Thuế Thu nhập cá nhân của đại lý, người trúng thưởng và đối tượng 10%	-	16.340.471.664	85.569.358.740	91.485.783.599	-	10.424.046.805
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	128.802.164	128.802.164	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	443.114.084	**679.125.192.045**	**1.095.305.525.468**	**1.279.926.434.714**	**-**	**494.061.168.715**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.